

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/11/2019.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn L .**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị T .**

2. Ông: **Phạm Đức M .**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc A**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2019/TLHNGĐ-ST ngày 16/9/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị G , sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện B , tỉnh Lâm Đồng. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D , sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 01, xã L, huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông D có tình cảm yêu nhau được 01 năm thì bà G có thai và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức tổ chức lễ cưới. Sau đó vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng được 01 năm thì quyết định đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B , tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/4/2017; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không có việc làm ổn định, thường ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn, chơi bời lêu lững như cá độ đá gà, hút chích ma túy đá; mỗi lần

cãi nhau thì ông D xúc phạm, nhục mạ, không tôn trọng bà G. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông D.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Trần Bảo Du, sinh ngày 03/02/2016. Trong thời gian ly thân, cháu Du sống cùng ông D. Ly hôn bà G có nguyện vọng tiếp tục giao con cho ông D nuôi, bà G không cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà G có tìm hiểu yêu nhau được 05 tháng thì bà G có thai nên được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới; vợ chồng về chung sống với nhau được 01 năm thì kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/4/2017. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc gì. Quá trình chung sống đến ngày 20/10/2018, bà G bỏ về nhà mẹ sống rồi vợ chồng ly thân cho tới nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bản thân ông D có chơi đá gà nhưng chỉ thỉnh thoảng. Ông D còn yêu vợ và mong muốn níu kéo hạnh phúc nhưng bà G cương quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà G trình bày; ly hôn ông đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà G và ông D được ly hôn với nhau, giao con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, buộc bà G phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà G có đơn đề nghị vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông D có tìm hiểu yêu nhau và tự nguyện kết hôn Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/4/2017; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà G, ông D là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà G cho rằng ông D không chịu làm ăn, chơi đá gà, hút chích ma túy, xúc phạm, nhục mạ và không tôn trọng bà. Ông D thì cho rằng vợ

chồng bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Mặc dù, ông vẫn còn yêu bà G nhưng bà G cương quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân của bà G, ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà G, xử cho bà G, ông D được ly hôn với nhau.

[02] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy từ khi ly thân tháng 10/2018 đến nay cháu Du do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà G có nguyện vọng giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng nên cần giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[03] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[04] Về án phí: Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với ông Lê Văn D, xử cho bà Trần Thị G và ông Lê Văn D được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Bảo Du, sinh ngày 03/02/2016 cho ông Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0013137 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Bà G đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Ông D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/11/2019); bà G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn L

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị T Phạm Đức M

Nguyễn Văn L